

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HS-PT

Ngày: 30-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Huỳnh Trọng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 28-02-2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Trọng N, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị P; vợ: Võ Thị Thảo N, sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: ngày 21/01/2021, bị Công An xã V huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy - chưa nộp phạt; bị cáo tại ngoại, có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Võ Trường A và Lê Trọng N nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 11/6/2021, Võ Trường A và Lê Văn M đến phòng trọ của

Nguyễn Huỳnh Phước Đ hỏi mua phuộc xe nhưng không được. Lúc này, Đ có nói với M là Ah Nguyễn Tiến Đ nhờ nhấc M trả 120.000 đồng. Sau đó, A và M trở về nhà A tại ấp Mỹ Sơn Đông, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Trong lúc nói chuyện, M nhắc chuyện Ah Đạt có cho M mượn tiền đi xe ôm 60.000 đồng nhưng Đ lại nói trả 120.000 đồng. Lúc này, A nói “Để tôi kêu Đ về cho bạn nói chuyện” thì M không có ý kiến. Khoảng 03 giờ ngày 12/6/2021, A kêu Huỳnh Trọng N chở ra Ba Vát. N điều khiển xe Exciter biển số 84L1 - 249.08 chở A ngồi sau, A mang theo 01 dao tự chế và 01 còng số 8. Đi được một lúc thì A kêu đổi cho A điều khiển xe và đưa dao tự chế cho N cầm. Khi đến trước phòng trọ của Đ ở nhà trọ Út Thuận (Song Hằng) thuộc xã Phước Mỹ Trung, A đi vào trong nói chuyện với Đ, sau đó trở ra lấy dao và kêu N đi vào cùng A. A dùng dao kề vào cổ Đ và kêu Đ đưa tay ra phía trước rồi A lấy trong người ra 01 còng số 8 còng tay phải Đ lại. Lúc này Đ phản kháng nên A kêu N phụ giữ tay Đ lại. N đồng ý và tiến đến giữ tay trái Đ lại để A còng tay. Sau đó, A và N dẫn Đ ra xe; A điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi giữa, N ngồi sau về nhà A tại ấp Mỹ Sơn Đông, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Khi về đến nhà, A tiếp tục còng tay trái của Đ vào ghế inox ở phòng khách. A kêu Đ lấy tài sản trong người ra, Đ đưa ra 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 02 tờ tiền Việt Nam, mỗi tờ mệnh giá 10.000 đồng. A kêu N đem bỏ tài sản vào 01 túi nylon, để trên bàn. Sau đó, A kêu N đến kiểm tra xem Đ còn tài sản gì khác không, N kiểm tra thì không có tài sản gì khác. M đòi về nhưng A không cho, dọa đánh M. A dùng tay, chân và gậy ba khúc đánh Đ nhiều cái gây thương tích, đồng thời, A dùng dao tự chế chém trúng vào vai phải làm rách áo và gây thương tích ở vùng sau vai phải của Đ 01 đường dài khoảng 02cm, chảy máu. A kêu N lấy đồ băng vết thương cho Đ. Sau đó, A tháo còng trên ghế inox rồi kéo Đ vào phòng ngủ, yêu cầu Đ ngồi trên ghế và còng tay trái Đ vào cửa sổ phòng ngủ. A tiếp tục dùng tay đánh Đ nhiều cái. Khoảng 06 giờ ngày 12/6/2021, Đ nói bị tê tay nên A tháo còng tay, cho Đ nằm xuống nệm, đồng thời trả lại Đ 20.000 đồng, điện thoại của Đ thì A để ở phòng bên cạnh. Sau khi ăn sáng, Đ xin về nhưng A không đồng ý, N canh giữ không cho Đ bỏ trốn. Đ tiếp tục ngủ đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì tỉnh dậy, đi qua phòng bên cạnh lấy điện thoại. Lúc này A mượn của Đ 20.000 đồng để mua bánh mì, Đ lấy tiền đưa cho A, A đưa tiền cho N đi mua bánh mì. Sau đó, lợi dụng sơ hở Đ bỏ đi và trình báo sự việc đến cơ quan Công An.

Quá trình điều tra, Nguyễn Huỳnh Phước Đ bị thương nhẹ, đã bình phục nên từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích.

* Vật chứng thu giữ:

- Thu tại hiện trường ngày 12/06/2021:

+ 01 con dao tự chế dài 50cm, mũi nhọn, cán tròn quấn băng keo đen, cán dài 13cm, băng rộng đẹp, rộng nhất 04cm; bọc vỏ màu đen dài 40cm, rộng nhất 06cm, nhãn hiệu TOP màu trắng.

+ 01 cây dùi cui (cây dũa ba khúc) tổng chiều dài 66cm, đoạn 1 - tay cầm - dài 24cm, đoạn 2 dài 21cm, đoạn 3 dài 21cm.

+ 01 còng số 8 hai ổ khóa, nhãn hiệu “Bộ Công A” KC.

- Thu của Võ Trường A ngày 13/6/2021:

+ 01 áo thun màu xanh, tay ngắn; 01 quần vải màu trắng - đã trả lại Võ Trường A ngày 13/12/2021.

+ 01 xe mô tô hai bánh biển số 84L1 - 249.08, số máy 55P1-296619, số khung RLCE55P10...; 01 biển số xe 71C4 - 109.16 - đây là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản phát hiện ngày 29/5/2021, đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện Chợ Lách để điều tra, xử lý như trên.

- Thu của Huỳnh Trọng N ngày 13/6/2021: 01 quần vải màu xanh - đã trả lại Huỳnh Trọng N ngày 13/12/2021.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 vụ trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không có tham gia.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trọng N phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng N 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Võ Trường A và Lê Trọng N, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2022, bị cáo Huỳnh Trọng N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Huỳnh Trọng N phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng N 06 tháng tù là tương xứng; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng N 06 tháng tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp

hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.
- Bị cáo nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 03 giờ ngày 12/6/2021, bị cáo Võ Trường A rủ theo bị cáo Huỳnh Trọng N đến nhà trọ Út Thuận (Song Hăng) thuộc ấp Phước Hậu, xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và có hành vi đe dọa, dùng còng số 8 còng tay, khống chế bắt Ah Nguyễn Huỳnh Phước Đ trái pháp luật. Sau đó, các bị cáo Võ Trường A và Huỳnh Trọng N tiếp tục có hành vi giữ Ah Nguyễn Huỳnh Phước Đ trái pháp luật tại nhà của bị cáo Võ Trường A ở ấp Mỹ Sơn Đông, xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi bắt, giữ bị hại Nguyễn Huỳnh Phước Đ trái pháp luật; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do và quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình A ninh, trật tự, A toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Huỳnh Trọng N phạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, N thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo “*phạm tội có tính chất côn đồ*” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*tự nguyện bồi thường một phần cho bị hại*” theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách*

nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ” theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Tuy nhiên, xét thấy chỉ vì muốn thể hiện bản thân mà bị cáo đã thực hiện hành vi bắt, giữ bị hại một cách trái pháp luật; bị cáo đã giúp sức cho bị cáo A trong việc giữ tay bị hại để bị cáo A còng tay bị hại, cùng bị cáo A chở bị hại về nhà bị cáo A và canh giữ không cho bị hại chạy trốn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của bị hại, phạm tội với lỗi cố ý. Mặt khác, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân, thấy rằng bị cáo đã bị Công an xã V huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số: 05/QĐ-XPHC ngày 22/01/2021, chưa được xóa tiền sự lại phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo có N thân không tốt, xem thường pháp luật, khó cải tạo; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 06 tháng tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng; tại cấp phúc thẩm bị cáo cho rằng bản thân là lao động chính trong gia đình và có vợ đang mang thai để yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Trọng N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 07/2022/HS-ST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Trọng N 06 (sáu) tháng tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều

23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Huỳnh Trọng N phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Võ Trường A và Lê Trọng N, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công Á tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc(3b);
- Công an và VKSND huyện Mô Cày Bắc(2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc(1b);
- UBND xã Tân Phú Tây, huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông